TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH TH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 16 - 3- 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; bà Nguyễn Thị Hà.
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên toà: Không
Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị H - Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn TL, xã TT, huyện TT, tỉnh TH.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch - Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn TL, xã TT, huyện TT, tỉnh TH.
Tại phiên tòa vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Lê Văn Ch (Chị H và anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2022, bản tự khai ngày 10/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị H và anh Lê Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 30/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hòa thuận được nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh Ch không có quan điểm sống rõ ràng, không có chính kiến của cá nhân. Mọi việc trong gia đình anh đều phải hỏi ý kiến của mẹ và chị. Vợ, chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hòa xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị H được ly hôn anh Ch.
- Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- tại bản tự khai ngày 28/ 02/2023 anh Lê Văn Ch trình bày: Anh Ch và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 30/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp. Vợ, chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Ch đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho anh Ch được ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Ch yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Văn Ch. Anh Ch có nơi cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Ch vắng mặt không có lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Ch và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Ch theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Ch đã có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Đây là trường hợp không tiến hành H giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS.

Chị Hòa và anh Ch đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị Hòa và anh Ch.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lê Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TT, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 30/5/2006. Không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị H và anh Ch đã sống ly thân từ cuối năm 2006 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ chị H và anh Ch đã không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh Ch là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Ch chưa có con chung nên HĐXX không xem

xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Văn Ch.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007909 ngày 22/12/2022. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị Hòa và anh Lê Văn Ch. Chị Hòa, anh Ch có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Chi cụcTHADS huyện TT;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn